TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 292/2025/DS-ST Ngày: 24 – 9 – 2025 V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như .

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Sim.

Ông Bùi Minh Thiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:* Ông Đoàn Chí Nguyện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay ấp C, xã N, tỉnh Cà Mau).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T (Vắng mặt ngày 24/9/2025).

Địa chỉ: Ấp L, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau (nay là ấp L, xã N, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành C trình bày: Khoảng năm 2022, ông đưa cho ông T số tiền 10.000.000 đồng nhờ mua dùm thùng loa kẹo kéo. Sau đó, ông T đã mua thùng loa đem về cho ông tuy nhiên thùng chỉ sử dụng được 04 ngày thì bị đứt loa

không sử dụng được. Sau khi thùng loa bị hư ông có kêu ông T đi sửa thì ông và ông T cùng đem thùng loa gửi cho ông Hứa Bi C1 lên Cà Mau đến chỗ người bán hàng để sửa lại. Sau khi gửi thùng loa thì người bán hàng không gửi thùng loa về trả cho ông. Trước đây, ông có liên hệ với người bán hàng nhưng họ nói là do khi ông T mua thùng loa chưa trả tiền nay họ giữ lại hàng, còn việc thoả thuận giữa ông và ông T như thế nào thì họ không biết. Nay ông đã mất số điện thoại của người bán nên không biết được họ tên và địa chỉ của người bán. Sau đó, ông có yêu cầu ông T trả 10.000.000 đồng nhưng ông T vẫn không trả. Ngoài ra, ông T còn vay của ông 2.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông T trả 12.000.000 đồng.

Tại phiên toà ngày 08/9/2025 ông Nguyễn Hữu T trình bày: Ông C có đưa ông 10.000.000 đồng nhờ mua thùng loa, khi mua thì ông đã trả tiền đầy đủ cho người bán hàng. Ông xác định không còn nợ khoản tiền nào đối với người bán. Khi gửi thùng loa lên Cà Mau thì ông và ông C cùng gửi. Việc ông C nhờ mua hàng ông đã mua đem về và ông C cũng đã sử dụng. Còn việc người bán hàng không gửi thùng loa về cho ông C là do hai bên cự cải với nhau. Nay chỉ đồng ý trả cho ông C số tiền vay 2.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc với ngày 19/9/20525 ông Hứa Bi C1 trình bày: Ông làm nghề chạy xe tải chở hàng lên Cà Mau. Trước đây, có khách hàng gửi thùng loa lên Cà Mau nhưng khi đến Cà Mau thì chỗ chủ cửa hàng đến xe nhận hàng hay ông chở hàng đến tại cửa hàng thì ông không nhớ do thời gian đã lâu.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C. Buộc ông Nguyễn Hữu T trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền vay 2.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu T trả số tiền 10.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Thành C và ông Nguyễn Hữu T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thành C khởi kiện ông Nguyễn Hữu T trả lại tài sản và tiền vay còn nợ nên đây là vụ án tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Hữu T cư trú ấp L, xã N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp: Ông Nguyễn Thành C yêu cầu ông Nguyễn Hữu T trả 12.000.000 đồng. Ông T chỉ đồng ý trả 2.000.000 đồng.

[2.1] Đối với tranh chấp đòi tài sản: Xét thấy, việc ông C nhờ ông T mua dùm thùng loa kẹo kéo và ông T đã mua thùng loa về ông C cũng đã sử dụng thùng loa được 04 ngày. Vấn đề này được các bên đương sự thừa nhận. Ông C cho rằng do thùng loa sau khi sử dụng bị hư nên ông và ông T cùng gửi xe cho ông Hứa Bi C1 đến chỗ người bán hàng sửa lại nhưng do người bán nói là do khi ông T mua hàng chưa trả tiền nên họ giữ lại hàng. Ông T xác định khi mua hàng đã trả đủ tiền và hiện nay không còn nợ khoản tiền gì đối với người bán. Lý do người bán không gửi hàng về là do ông C và người bán cự cải với nhau. Toà án đã tạm ngừng phiên toà yêu cầu ông T không cung cấp họ tên và địa chỉ của người bán hàng, tuy nhiên đến ngày mở lại phiên toà thì ông T vẫn không cung cấp được thông tin nên Toà án không làm việc được. Việc ông C cho rằng do khi ông T mua hàng không trả tiền nên người bán đã giữ lại hàng tuy nhiên vấn đề này không được ông T thừa nhận và ông C cũng không có tài liệu chứng minh cho lời trình bày của ông. Hơn nữa, nếu khi mua hàng mà không trả tiền thì cũng không đem hàng hoá về được. Việc ông C nhờ ông T mua hàng dùm đã hoàn thành. Đối với việc mua bán hàng hoá có thoả thuận bảo hành hàng hoá theo quy định. Do đó, ông C có quyền yêu cầu người bán hàng bảo hành đối với hàng hoá. Nay người bán không gửi hàng về cho ông C thì ông C có quyền khởi kiện đối với người bán hàng. Do đó, việc ông C yêu cầu ông T trả số tiền 10.000.000 đồng là không có căn cứ.

[2.2] Đối với tranh chấp hợp vay tài sản: Đối với số tiền vay ông T chấp nhận đồng ý trả cho ông C 2.000.000 đồng. Đây là sự thừa nhận của các đương sự không cần phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó, buộc ông T trả cho ông C 2.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.3] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, buộc ông T trả cho ông C 2.000.000 đồng. Trường hợp ông T chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc yêu cầu ông T trả số tiền 10.000.000 đồng.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông C phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; ông T phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217; Điều 218; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 166, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C.

Buộc ông Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành C số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C về việc buộc ông Nguyễn Hữu T thanh toán số tiền 10.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Hữu T phải chịu số tiền 300.000 đồng.

- Ông Nguyễn Thành C phải chịu số tiền 500.000 đồng. Ông Nguyễn Thành C đã nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004144 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (nay là Thi hành án dân sự tỉnh C) được chuyển thu, ông Nguyễn Thành C phải nộp số tiền 200.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như